

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH **CÔNG TY MẸ**

QUÝ III NĂM 2011

Tháng 10 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,364,730,271,095	1,297,319,863,843
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	252,826,445,795	301,382,733,411
1. Tiền	111		248,826,445,795	173,733,983,411
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,000,000,000	127,648,750,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,053,626,592,701	869,368,836,589
1. Phải thu khách hàng	131		25,787,195,791	6,265,206,894
2. Trả trước cho người bán	132		16,781,841,421	30,041,979,062
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		849,154,145,101	809,197,546,757
3. Các khoản phải thu khác	135	6	167,495,210,388	29,455,903,876
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5,591,800,000)	(5,591,800,000)
IV. Hàng tồn kho	140	7	15,501,013,349	73,371,691,101
1. Hàng tồn kho	141		15,501,013,349	73,371,691,101
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		42,776,219,250	53,196,602,742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,230,629,433	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		39,306,206,062	52,136,024,168
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		71,200,711	581,811,263
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		168,183,044	478,767,311
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		855,123,588,340	950,057,676,350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18,930,229,527	18,930,229,527
1. Phải thu nội bộ dài hạn	212		18,930,229,527	18,930,229,527
II. Tài sản cố định	220		137,807,368,603	118,685,434,394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	24,782,449,225	13,164,423,011
- Nguyên giá	222		49,538,850,220	37,005,175,658
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24,756,400,995)	(23,840,752,647)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	100,304,577,291	98,568,133,545
- Nguyên giá	228		100,623,664,269	98,808,373,269
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(319,086,978)	(240,239,724)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	12,720,342,087	6,952,877,838
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		511,828,541,000	468,795,043,285
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	415,594,746,056	376,179,582,059
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	16,500,000,000	16,500,000,000
2. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	13	112,000,000,000	112,000,000,000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	14	(32,266,205,056)	(35,884,538,774)
III. Tài sản dài hạn khác	260		186,557,449,210	343,646,969,144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	185,537,449,210	339,785,096,073
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	2,591,873,071
3. Tài sản dài hạn khác	268		1,020,000,000	1,270,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,219,853,859,435	2,247,377,540,193



Các thuyết minh từ trang 05 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,063,622,036,643	1,162,822,005,880
I. Nợ ngắn hạn	310		1,038,034,011,134	1,140,261,717,112
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	829,830,648,733	498,653,689,992
2. Phải trả người bán	312		54,341,943,170	525,239,780,557
3. Người mua trả tiền trước	313		8,228,776,783	35,688,038,548
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4,997,941,114	1,252,237,921
5. Phải trả người lao động	315		12,874,986,395	18,719,547,463
6. Chi phí phải trả	316		4,244,180,000	1,690,000,000
7. Phải trả nội bộ	317		20,649,833,529	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		88,531,528,233	36,007,097,360
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14,334,173,177	23,011,325,271
II. Nợ dài hạn	330		25,588,025,509	22,560,288,768
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	25,482,485,527	22,430,229,527
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		105,539,982	130,059,241
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1,156,231,822,792	1,084,555,534,313
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1,156,231,822,792	1,084,555,534,313
1. Vốn điều lệ	411		698,420,000,000	698,420,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128,358,940,301	128,358,940,301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		21,375,272,138	21,375,272,138
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9,150,605,990)	(2,812,000,000)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		194,250,614	9,620,305,648
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		37,527,327,643	37,527,327,643
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		279,506,638,086	192,065,688,583
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		2,219,853,859,435	2,247,377,540,193

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/9/2011	31/12/2010
1. Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	Đồng		
2. Nợ khó đòi đã xử lý	Đồng		
3. Ngoại tệ các loại	USD	973,207.43	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

CAO THANH HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÙNG TUẤN HÀ

Các thuyết minh từ trang 05 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND
Lũy kế 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2011	Quý 3/2010	Lũy kế 2011	Lũy kế 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		410,621,533,084	226,014,029,767	993,165,378,447	241,013,603,174
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		410,621,533,084	226,014,029,767	993,165,378,447	241,013,603,174
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		379,426,554,461	206,822,523,013	904,245,750,749	206,822,523,013
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		31,194,978,623	19,191,506,754	88,919,627,698	34,191,080,161
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	84,085,890,416	73,638,408,670	198,099,359,214	181,882,448,266
7. Chi phí tài chính	22	20	25,484,736,387	19,237,458,637	58,940,043,277	44,878,579,456
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27,136,964,643	19,237,458,637	62,501,120,602	42,490,278,079
8. Chi phí bán hàng	24		10,842,739,002	8,752,974,437	27,110,726,637	9,307,093,560
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16,281,347,217	16,069,222,253	40,539,693,295	27,799,244,958
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		62,672,046,433	48,770,260,097	160,428,523,703	134,088,610,453
11. Thu nhập khác	31		898,695,572	394,570,367	62,549,646,178	402,179,180
12. Chi phí khác	32		391,444,404	196,158,031	392,730,924	196,158,031
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		507,251,168	198,412,336	62,156,915,254	206,021,149
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		63,179,297,601	48,968,672,433	222,585,438,957	134,294,631,602
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	4,465,269,210	1,422,039,686	12,708,139,528	2,868,830,055
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	2,591,873,071	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		58,714,028,391	47,546,632,747	207,285,426,358	131,425,801,547

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2011



CAO THANH HÙNG

ĐÀO VĂN ĐẠI

PHÙNG TUẤN HÀ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍLầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU**I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Lợi nhuận trước thuế****2. Điều chỉnh cho các khoản:**

Khấu hao tài sản cố định

Các khoản dự phòng

(Lãi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện

(Lãi) từ hoạt động đầu tư

Chi phí lãi vay

3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động

(Tăng)/Giảm các khoản phải thu

(Tăng)/giảm hàng tồn kho

Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)

(Giảm) tài sản ngắn hạn khác

(Tăng) chi phí trả trước

Tiền lãi vay đã trả

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp

Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn

3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác

3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác

4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

6. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành

2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được

3. Tiền chi trả nợ gốc vay

4. Cổ tức đã trả cho cổ đông

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**Lưu chuyển tiền thuần trong năm****Tiền và tương đương tiền đầu năm****Tiền và tương đương tiền cuối năm**

Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2010
01	222,585,438,957	134,294,631,602
02	2,383,010,836	1,534,428,941
03	(3,618,333,718)	(2,076,337,734)
04	194,250,614	(9,902,001,158)
05	(63,522,370,696)	(7,210,570,715)
06	62,501,120,602	42,490,278,079
08	220,523,116,595	159,130,429,015
09	(167,388,460,342)	(208,515,845,489)
10	57,870,677,752	(39,556,467,199)
11	(415,267,866,151)	763,818,478,000
	-	(7,973,138,418)
12	151,017,017,430	83,331,333
13	(62,501,120,602)	(44,073,357,830)
14	(7,733,546,286)	-
15	3,618,333,718	544,320,114
16	(35,383,497,715)	(750,997,356,841)
20	(255,245,345,601)	(127,539,607,315)
21	(21,881,354,819)	(13,418,452,599)
22	895,909,091	402,179,180
23	-	(2,330,675,175,828)
24	-	2,490,977,762,675
25	(7,650,000,000)	(1,550,000,000)
27	12,012,986,572	7,004,558,379
30	(16,622,459,156)	152,740,871,807
32	-	(477,000,000)
33	1,008,539,132,956	871,026,725,673
34	(674,309,918,215)	(301,307,326,785)
36	(110,917,697,600)	(66,244,200,000)
40	223,311,517,141	502,998,198,888
50	(48,556,287,616)	528,199,463,380
60	301,382,733,411	43,640,504,136
70	252,826,445,795	571,839,967,516

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



CAO THANH HÙNG



ĐÀO VĂN ĐẠI



PHÙNG TUẤN HÀ

Các thuyết minh từ trang 05 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 là 2.487 (31 tháng 12 năm 2010: 2.338).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí – Công ty phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí (PIMD) theo giấy phép kinh doanh 0300452060 – 014 ngày 05 tháng 02 năm 2011.

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí – Chi nhánh Miền Trung theo giấy đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300452060 – 016 ngày 18 tháng 04 năm 2011.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25-33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng. Đây là số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các công ty con là công ty TNHH một thành viên nếu có lãi sẽ thực hiện kết chuyển lợi nhuận trong kỳ về Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)***Đầu tư vào các công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ (Tiếp theo)**

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tới đa không quá 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

Đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011, Tổng Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết nêu trên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/9/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	592,790,591	82,285,325
Tiền gửi ngân hàng	248,233,655,204	173,651,698,086
Các khoản tương đương tiền	4,000,000,000	127,648,750,000
	<u>252,826,445,795</u>	<u>301,382,733,411</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/9/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	40,110,000,000	-
Lợi nhuận công ty con chuyển về	97,273,565,019	-
Các dự án thực hiện cho Tập đoàn	28,307,809,956	25,227,041,122
Phải thu khác	1,803,835,413	4,228,862,754
	<u>167,495,210,388</u>	<u>29,455,903,876</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	30/9/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	15,870,090,478
Hàng hoá	15,501,013,349	49,414,425,030
Hàng gửi bán	-	8,087,175,593
Cộng	15,501,013,349	73,371,691,101

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	27,392,945,211	2,059,064,373	5,412,187,896	2,140,978,178	37,005,175,658
Mua trong năm	-	-	1,361,952,154	606,265,643	1,968,217,797
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13,477,765,245	-	-	-	13,477,765,245
Điều chỉnh khác	(4,175,764,798)	2,792,070,181	-	236,311,145	(1,147,383,472)
Thanh lý	-	-	(1,764,925,008)	-	(1,764,925,008)
Tại ngày 30/09/2011	36,694,945,658	4,851,134,554	5,009,215,042	2,983,554,966	49,538,850,220
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	18,372,347,949	1,846,051,186	2,826,521,167	795,832,345	23,840,752,647
Khấu hao trong năm	1,014,997,646	406,200,776	464,586,292	512,770,807	2,398,555,521
Điều chỉnh khác	(94,391,939)	-	-	-	(94,391,939)
Thanh lý	-	-	(1,388,515,234)	-	(1,388,515,234)
Tại ngày 30/09/2011	19,292,953,656	2,252,251,962	1,902,592,225	1,308,603,152	24,756,400,995
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/09/2011	17,401,992,002	2,598,882,592	3,106,622,817	1,674,951,814	24,782,449,225
Tại ngày 31/12/2010	9,020,597,262	213,013,187	2,585,666,729	1,345,145,833	13,164,423,011

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011 là 5.635.714.507 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	98,337,309,381	471,063,888	98,808,373,269
Tăng trong năm	1,775,291,000	40,000,000	1,815,291,000
Tại ngày 30/09/2011	100,112,600,381	511,063,888	100,623,664,269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	-	240,239,724	240,239,724
Khấu hao trong năm	-	78,847,254	78,847,254
Tại ngày 30/09/2011	-	319,086,978	319,086,978
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2011	100,112,600,381	191,976,910	100,304,577,291
Tại ngày 31/12/2010	98,337,309,381	230,824,164	98,568,133,545

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/9/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12,720,342,087	6,952,877,838
<i>Trong đó:</i>		
Công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	12,026,732,325	1,504,192,779
Cải tạo khách sạn Holiday Mansion	-	3,673,394,059
Dự án 41D Vũng Tàu	31,579,510	-
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	202,211,970	1,775,291,000
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	459,818,282	-

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là “Petrosetco Vũng Tàu”) được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 03 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Biển, Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu. Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty quyết định sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (PBC) vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500835690 ngày 25 tháng 10 năm 2010. Thời điểm sát nhập kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010. Ngày 01 tháng 01 năm 2011, Petrosetco Vũng Tàu chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3500835690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ là 60 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 48 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Petrosetco Phân phối”) được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (gọi tắt là “Petrosetco Trading”) được thành lập trên cơ sở Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (gọi tắt là “Petrosetco Sài Gòn”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ lữ hành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 05 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là “PSMT”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Khách sạn PetroVietnam - Sông Trà và Chi nhánh Tổng Công ty tại Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000191 ngày 29 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Ngày 01 tháng 01 năm 2011, PSMT chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300368426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số vốn điều lệ là 107 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 62% vốn điều lệ tương ứng với 66,34 tỷ VND.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (gọi tắt là “POTS”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000765 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (gọi tắt là “PSA”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002191 ngày 12 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 18 tháng 01 năm 2011, PSA chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102471424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 68 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 54,4 tỷ VND.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (gọi tắt là “Petro Hà Nội”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000100 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong năm, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng Petro Hà Nội từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), theo đó Petro Hà Nội trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Công ty Cổ phần Bao Bì Việt Nam (gọi tắt là “PSP”) thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty TNHH PETROSETCO SSG (gọi tắt là “PSSSG”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310511124 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (gọi tắt là “Smartcom”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310864017 ngày 19 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp 50% vốn điều lệ và gián tiếp 10% vốn điều lệ thông qua Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký	Số tiền đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyền nắm giữ
	30/9/2011	30/9/2011		
	VND	VND	%	%
Petrosetco Trading	39,500,000,000	39,500,000,000	100	100
Petrosetco Sài Gòn	10,400,000,000	10,400,000,000	100	100
Petrosetco Vũng Tàu (i)	60,000,000,000	49,341,999,232	80	80
PSMT	107,000,000,000	66,340,000,000	62	62
Petrosetco Phân phối	92,000,000,000	92,000,000,000	100	100
POTS (i)	30,000,000,000	31,681,662,678	100	100
PVA (i)	68,000,000,000	60,583,637,417	80	80
Petro Hà Nội (i)	18,410,685,729	30,362,282,732	100	100
PSP	40,000,000,000	20,400,000,000	51	51
PSSSG (ii)	450,000,000,000	9,985,163,997	51	51
Smartcom (iii)	10,000,000,000	5,000,000,000	50	50
	915,310,685,729	415,594,746,056		

(i) Phát sinh lợi thế thương mại khi thực hiện hợp nhất kinh doanh các đơn vị vào Tổng Công ty.

(ii) Thực hiện góp vốn theo tiến độ, tỉ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG là 51%.

(iii) Tỉ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Smartcom là 60% (nắm giữ trực tiếp 50% và gián tiếp 10% thông qua Petrosetco Phân phối).

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/9/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý và phát triển nhà Dầu khí	16,500,000,000	16,500,000,000
	16,500,000,000	16,500,000,000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (PV-Building)	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>30/9/2011</u>
	VND
Tổng tài sản	67,601,746,107
Tổng nợ phải trả	5,131,080,740
Tài sản thuần	62,470,665,367
Phần tài sản thuần trong Công ty liên kết	18,741,199,610
	Từ ngày
	01/01/2011 đến
	ngày 30/9/2011
	VND
Doanh thu	143,791,841,161
Lợi nhuận thuần	4,699,507,613
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	1,409,852,284

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Trong năm 2010, Tổng Công ty giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) từ 51% xuống 14%. Theo đó, trong báo cáo tài chính này, khoản đầu tư vào PCB sẽ được phân loại là đầu tư tài chính dài hạn khác. Số dư khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 là 112.000.000.000 VND.

14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/9/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Công ty TNHH 1 TV Dịch vụ Thương mại Dầu Khí	30,562,255,053	32,911,383,009
Công ty TNHH 1 TV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu Khí	1,703,950,003	2,973,155,765
	32,266,205,056	35,884,538,774

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/9/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	182,007,849,147	339,785,096,073
Chi phí trả trước khác	3,529,600,063	-
	185,537,449,210	339,785,096,073

(i) Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng, thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/9/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	125,704,261,247	213,931,600,000
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	277,140,531,020
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	700,000,000,000	
Vay dài hạn đến hạn trả	4,126,387,486	7,581,558,972
	<u>829,830,648,733</u>	<u>498,653,689,992</u>

(i) Vay ngắn hạn tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011 thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam (PVFC) bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức là 700 tỷ VND. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam cộng (+) 0,5% hoặc lãi suất điều chỉnh theo lãi suất thỏa thuận.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/9/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	6,552,256,000	3,500,000,000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	18,930,229,527	18,930,229,527
	<u>25,482,485,527</u>	<u>18,930,229,527</u>

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn 58 tỷ VND với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng (+) 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và sẽ được hoàn trả nửa năm một lần sau thời gian ân hạn.

Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 VND nhằm mục đích cải tạo, sửa chữa Khách sạn Holiday Mansion tại Vũng Tàu, lãi suất sẽ được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản số 12 Trương Công Định, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công ty và lãi suất được quy định tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định tỷ lệ trích các quỹ năm 2010 từ lợi nhuận sau thuế của toàn Tổng Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 7% lợi nhuận sau thuế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011, Tổng Công ty chưa thực hiện trích các quỹ theo nghị quyết nêu trên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/09/2011		31/12/2010	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	246,092,850,000	35.24	246,092,850,000	44.36
Các cổ đông khác	452,327,150,000	64.76	452,327,150,000	55.64
	698,420,000,000	100	698,420,000,000	100

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011

MẪU SỐ B 09-DN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	554,720,000,000	52,120,798,051	12,669,047,040	(2,335,000,000)	(2,862,486,419)	20,114,877,446	117,426,051,554	751,853,287,672
Phát hành cổ phiếu	143,700,000,000	76,238,142,250	-	-	-	-	-	219,938,142,250
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	185,877,583,448	185,877,583,448
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(66,244,200,000)	(66,244,200,000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(477,000,000)	-	-	-	(477,000,000)
Trích lập các quỹ	-	-	8,706,225,098	-	-	17,412,450,197	(44,993,746,419)	(18,875,071,124)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	2,862,486,419	-	-	2,862,486,419
Chênh lệch tỷ giá tại thời điểm cuối kỳ	-	-	-	-	9,620,305,648	-	-	9,620,305,648
Số dư tại ngày 31/12/2010	698,420,000,000	128,358,940,301	21,375,272,138	(2,812,000,000)	9,620,305,648	37,527,327,643	192,065,688,583	1,084,555,534,313
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	207,285,426,358	207,285,426,358
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(111,297,279,400)	(111,297,279,400)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(6,338,605,990)	-	-	-	(6,338,605,990)
Giảm khác	-	-	-	-	194,250,614	-	(8,547,197,455)	(8,547,197,455)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	(9,620,305,648)	-	-	194,250,614
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	(9,620,305,648)
Số dư tại ngày 30/9/2011	698,420,000,000	128,358,940,301	21,375,272,138	(9,150,605,990)	194,250,614	37,527,327,643	279,506,638,086	1,156,231,822,792

(i) Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 29 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 16%, tương ứng 111.297.280.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95,374,470,488	58,221,072,965
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,085,692,487	270,502,337
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,938,059,316	-
Lãi bán ngoại tệ	1,030,859,935	-
Lợi nhuận từ các công ty con	97,670,276,988	123,390,872,964
	198,099,359,214	181,882,448,266

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	62,501,120,602	42,490,278,079
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57,256,393	2,387,601,377
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-3,618,333,718	-
Chi phí tài chính khác	-	700,000
	58,940,043,277	44,878,579,456

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/9/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/9/2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	222,585,438,957	134,294,631,602
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	268,157,320	8,029,568,277
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Chuyển lỗ các năm trước	268,157,320	8,029,568,277
- Thu nhập không chịu thuế	(161,252,998,883)	(130,848,879,664)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	61,600,597,394	11,475,320,215
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25% x 50%</i>	21,536,078,566	-
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	40,064,518,828	11,475,320,215
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12,708,139,528	2,868,830,054
Chi phí thuế thu nhập hiện hành phải nộp trong năm	12,708,139,528	2,868,830,055

Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007. Năm 2011 là năm cuối cùng Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh chính theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 04 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 2.619,37m² của tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày

01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Theo Hợp đồng số 30/2011/PVFC-PETROSETCO ngày 28 tháng 4 năm 2011 với Tổng công ty Cổ phần Tài chính Dầu Khí Việt Nam, Tổng Công ty cam kết nhận chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí PetroTower từ Tổng Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) với số tiền là 29.861.148.450 VND, tương ứng 24% vốn điều lệ của Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí Petro Tower. Tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011, các bên chưa thực hiện xong các thủ tục chuyển giao quyền sở hữu, Tổng Công ty mới thực hiện ứng trước 1.493.057.423 VND liên quan đến giao dịch chuyển nhượng này cho PVFC.

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 20/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty sẽ bán một phần cổ phần nắm giữ cho cán bộ nhân viên của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA). Đến thời điểm hiện tại, việc bán cổ phần này vẫn đang trong giai đoạn thực hiện.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 ngày 30 tháng 9 năm 2010 đã được soát xét.

NGƯỜI LẬP BIỂU

CAO THANH HÙNG**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

ĐÀO VĂN ĐẠI

TP HCM, ngày 29 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC**PHÙNG TUẤN HÀ**